

Contents

- 2 日本語版
- 4 Bản tiếng Việt [ベトナム語版]
- 6 中文版 [中国語版]
- 8 Bersyon sa Pilipino [フィリピン語版]
- 10 Edisi Bahasa Indonesia [インドネシア語版]
- 12 ฉบับภาษาไทย [タイ語版]
- 14 ភាសាខ្មែរ [カンボジア語版]
- 16 မြန်မာဘာသာ မူ [ミャンマー語版]
- 18 Монгол хэл дээрх хувилбар [モンゴル語版]
- 20 English Version [英語版]

こくごのもり

小学低学年の児童を対象に国語の楽しさを知ってもらおうと、イラストを多用してつくった問題で「毎日小学生新聞」に長期連載。

©毎日小学生新聞 複製、転用はできません

言葉の上につく小さな言葉を上からえらんで書きましょう。

こくごのもり

指導・元世田谷区立小学校教諭 高橋 伶子
イラスト・奈良 恵

言葉の上の小さな言葉

答えはP22にあります。

Bạn Của Thực Tập Sinh Kỹ Năng

Số mùa Xuân, 4/2022

VỀ DỊCH VỤ TƯ VẤN KHI GẶP KHÓ KHĂN

Ở Nhật Bản, phần lớn các công ty và trường học đều bắt đầu năm mới từ tháng Tư. Các bạn thực tập sinh kỹ năng chắc cũng nhiều người luôn có tâm trạng mới mẻ khi bắt đầu một ngày mới. Tuy nhiên, sống xa quê hương, trong bối cảnh một xã hội với phong tục tập quán và văn hóa khác nhau, không tránh khỏi xảy ra những vấn đề trực trặc. Những lúc như vậy, có thể các bạn không biết phải xin tư vấn với ai, ở đâu. Những lúc như vậy, đừng chịu đựng một mình. Hãy tìm đến các cơ quan tư vấn để tìm cách giải quyết nhé. Cơ quan quản lý Thực tập sinh Kỹ năng Người nước ngoài (OTIT) được thành lập dựa trên Luật về Thực tập sinh kỹ năng, có dịch vụ tư vấn “Đường dây nóng tư vấn tiếng bản địa” bằng 8 thứ tiếng. Các bạn có thể xin tư vấn về những lo lắng hay bất an trong đời sống, trong công việc, hoặc muốn có lời khuyên đối với những vấn đề liên quan đến tôn giáo, ẩm thực, tập quán, cách suy nghĩ hoặc những thắc mắc về luật lao động liên quan tới tiền lương, làm việc ngoài giờ v.v.

Số điện thoại đường dây nóng tư vấn tiếng bản địa của Cơ quan quản lý Thực tập sinh Kỹ năng Người nước ngoài (OTIT)

Số điện thoại: 0120-250-168

Thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần Thứ bảy

Thời gian: 11:00 ~ 19:00

Thời gian: 9:00 ~ 17:00

※Có dịch vụ nhận tin nhắn tự động qua điện thoại (Trả lời vào ngày sau đó)

※Tùy nội dung mà việc trả lời sẽ cần thời gian.

※Điện thoại khi xin tư vấn là miễn phí.

◆Trang web hỗ trợ bằng tiếng bản địa của Cơ quan quản lý Thực tập sinh Kỹ năng người nước ngoài:

<https://www.support.otit.go.jp/soudan/vi/>

Hãy tải ứng dụng “Sổ tay Thực tập sinh Kỹ năng”

Khi tới Nhật, các bạn thực tập sinh kỹ năng đã được nhận cuốn “Sổ tay Thực tập sinh Kỹ năng”. Sau đây là ứng dụng để có thể xem được “Sổ tay Thực tập sinh Kỹ năng” ở bất cứ đâu và bất cứ khi nào.

Những điều có thể biết được thông qua ứng dụng

「Sổ tay Thực tập sinh Kỹ năng」

- Những quy định trong cuộc sống ở Nhật (giao thông, phương tiện đi lại, nhà ở v.v.)
- Các luật liên quan tới lao động (Hợp đồng lao động, tuyển dụng, thời gian làm việc, ngày nghỉ, tiền lương v.v.)
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm lao động, tiền thuế (Thuế thu nhập, thuế thị dân)
- Khi không thể tiếp tục việc thực tập kỹ năng
- Khi kết hôn, mang thai, sinh đẻ
- Địa điểm tư vấn của từng vấn đề, cách xin tư vấn
- Về chế độ thực tập kỹ năng người nước ngoài

※Địa chỉ liên lạc khi muốn xin tư vấn về vấn đề này:

Ban Hỗ trợ, Phòng Thực tập kỹ năng, Cơ quan quản lý Thực tập sinh Kỹ năng Người nước ngoài (OTIT)

Số điện thoại: 03-6712-1974

Tải xuống ngay bây giờ!

- Tải miễn phí
- Có 9 thứ tiếng
Tiếng Việt Nam, tiếng Trung Quốc, tiếng Philippines, tiếng Indonesia, tiếng Thái Lan, tiếng Myanmar, tiếng Campuchia, tiếng Mông Cổ và tiếng Anh



For Android



For iPhone

Hãy đăng ký mạng xã hội của Cơ quan quản lý Thực tập sinh Kỹ năng Người nước ngoài (OTIT) !

Cơ quan quản lý Thực tập sinh Kỹ năng Người nước ngoài (OTIT) thông qua trang Facebook và Twitter luôn cập nhật thông tin về chế độ thực tập kỹ năng cũng như về những chính sách của OTIT cũng như những chính sách hỗ trợ do bị nhiễm bệnh COVID-19. Thông tin được đăng tải bằng tiếng Nhật để hiểu cùng với 8 thứ tiếng khác. Các bạn hay đăng ký thành viên nhé.



Facebook



Twitter

VỀ VIỆC TIÊM CHỦNG VẮC-XIN CORONA (TIÊM MŨI 3 TĂNG CƯỜNG)

Nhằm ngăn ngừa lây nhiễm vi-rút corona chủng mới, các bạn thực tập sinh kỹ năng có thể đăng ký tiêm mũi thứ 3 tăng cường phòng COVID-19 miễn phí. Các cơ quan chính quyền địa phương nơi bạn đã tiêm mũi 2 sẽ gửi phiếu tiêm chủng tiêm mũi tăng cường. Trong phong bì gửi phiếu tiêm chủng sẽ có kèm theo giấy tờ thông báo và hướng dẫn cách đăng ký, các bạn hãy làm theo

hướng dẫn trong giấy nhé. Tùy theo từng địa phương mà thời điểm gửi phiếu tiêm chủng cũng như thời điểm kiểm nhận đăng ký lịch tiêm khác nhau.

「Hướng dẫn Cuộc thi viết tiếng Nhật cho Tu nghiệp sinh-Thực tập sinh Kỹ năng Người nước ngoài lần thứ 30」

Cơ quan JITCO chúng tôi bắt đầu nhận các bài viết dự thi từ ngày 1/4 (thứ Sáu). Thời hạn chót để gửi bài dự thi là hết ngày 13/5 (thứ Sáu). Chi tiết xin tham khảo link sau đây.

Trang chủ của JITCO: <https://www.jitco.or.jp>

Trang Giáo trình tiếng Nhật ひろば của JITCO: <https://www.jitco.or.jp/>

Hãy hiểu tình cảm người Nhật qua manga

— Cùng ứng xử phù hợp khi tham gia Hanami nhé —



Cô Ako thường thức Hanami nhưng vẫn thực hiện phòng tranh lây nhiễm vi-rút corona

Trước khi có đại dịch, mỗi khi vào dịp Hanami, mọi người thường cùng nhau ngồi dưới gốc cây anh đào vừa ăn uống vừa cười nói vui vẻ. Trong trạng thái bình thường mới hiện nay, chúng ta hãy duy trì các biện pháp như đeo khẩu trang, giữ khoảng cách với các nhóm khác, và giữ im lặng khi ăn uống. Chúng ta cùng mong cho đại dịch sớm chấm dứt nhé.

◆こくごたえ



小さな言葉、接頭語を取り上げました。
 「お・ご(御)」は、丁寧な言葉、敬意を表す。「ま(真)」は、本当や正しさを、「ど」は程度が強いことを、「す(素)」は、そのままであること—などの意味を添える働きをしています。
 それとは少し違いますが、「さ」や「か」などで、「か弱い・けだるい・ひ弱」のように語調を整えています。
 また、「言葉の勢いを強めるのが(ひ)引ん・と(取)っ」で、「ふ(踏)んだくる」などがあります。

Hôm nay chúng tôi giới thiệu về một số “tiếp đầu ngữ”, tức là những chữ “nhỏ” đứng trước một từ khác thể hiện sự khác biệt. Đó là chữ “御” được đọc là “お” hoặc “ご”, để thể hiện cách nói lịch sự hoặc kính trọng, Chữ “真”, đọc là “ま” thể hiện sự đúng đắn hoặc chính xác, chữ “ど” để hiện mức độ mạnh mẽ, chữ “素” đọc là “す” có tác dụng nhấn mạnh nội dung của từ đứng sau đó. Khác với những chữ trên một chút là chữ “さ” và chữ “か” ví dụ như trong chữ “か弱い, けだるい, ひ弱” làm cho âm điệu dễ nghe hơn. Ngược lại những chữ như “ひん” (viết là “引ん”), chữ “とつ”(viết là “取っ”) hoặc chữ “ふんだくる” (viết bằng chữ “踏んだくる”) làm tăng mức độ mạnh mẽ của từ đứng sau nó.

我举一个很小的词，即前缀。「お・ご(御)」表示礼貌和尊敬，「ま(真)」表示真正的，正确性，「ど」表示程度强烈，「す(素)」则表示就那样等意思。与此稍有不同的是，“さ”和“か”等词，像“柔弱、慵懒、软弱”，进行语调调整。另外，增强语言气势的是“ひ(引)ん・と(取)”，有“ふ(踏)んだくる”(中文意指硬夺)等用词。

Kinuha ko ang isang maliit na salita, isang prefix. 「お・ご(御)」 ay dapat na magalang o iginagalang, 「ま(真)」 ay katotohanan o kawastuhan, 「ど」 ay malakas na antas, 「す(素)」 ay ginagamit upang magdagdag ng kahulugan tulad ng pagiging kung ano talaga ito. May kaunting pagkakaiba naman ang 「さ」 o 「か」 at iba pa, at ang tono ay in- adjust tulad ng 「か弱い・けだるい・ひ弱」. Bilang karagdagan, nagpapalakas naman sa momentum ng pagsasalita ay 「ひ(引)ん・と(取)っ」 at gayundin ang 「ふ(踏)んだくる」.

Kali ini kita belajar tentang kata awalan. Awalan “o dan go” adalah untuk kata-kata dalam bahasa sopan dan hormat. Awalan “ma” untuk hal yang benar-benar dan tepat. Awalan “do” untuk hal yang tingkatnya kuat. Awalan “su” untuk gerakan yang sebagaimana adanya. Sedikit berbeda dengan itu, ada awalan “sa” dan “ka” yang ditambah untuk disesuaikan nadanya seperti pada “kayowai (lemah (dari penampilan)), kedarui (lemas), hiyowa (lemah (karena penyakit))”. Selain itu, ada awalan “hi (tarik) n dan to (ambil)”, “fu (injak)ndakuru”, dan sebagainya, yang memperkuat momentum kata-kata.

เราได้ยกเอาคำเติมหน้าสั้น ๆ มาพูดถึง คำดังกล่าวทำหน้าที่ให้ความหมายประกอบ อาทิ 「お・ご(御)」 ใช้เติมเพื่อแสดงความสุภาพหรือความเคารพ, 「ま(真)」 หมายถึงอย่างแท้จริงหรือถูกต้อง, 「ど」 เน้นระดับความเข้มข้น จนแรง, 「す(素)」 หมายถึงสภาพที่เป็นอยู่อย่างนั้น เป็นต้น คำที่แตกต่างไปจากนั้นเล็กน้อย เช่น 「さ」 หรือ 「か」 นำมาเติมเพื่อปรับโทนเสียงของคำ อาทิ 「か弱い (คะโยวะอิ)・けだるい・ひ弱 (ฮิโยวะ)」 และยังมีความที่เสริมลักษณะความแรงของคำอย่างเช่น 「ひ(引)ん・と(取)っ」 และ 「ふ(踏)んだくる」 เป็นต้น

យើងធ្លាប់លើកយកពាក្យខ្លីៗដែលជាបុព្វបទ។ បុព្វបទត្រូវបានគេប្រើដើម្បីបន្ថែមអត្ថន័យ ដូចជា 「お・ご(御)」 សំរាប់ការគួរសម និងគោរព 「ま(真)」 សំរាប់ការពិត ត្រឹមត្រូវ និង 「ど」 សំរាប់បញ្ជាក់ពីសភាពខ្លាំង ហើយ 「す(素)」 សំរាប់បញ្ជាក់ថាសភាពដដែល។ ខុសគ្នាបន្តិចជាមួយនឹងបុព្វបទ 「さ」 និង 「か」 ដូចនៅក្នុង 「か弱い・けだるい・ひ弱」 ដែលត្រូវបានប្រើដើម្បីសម្រួលការបញ្ចេញសំឡេង។ លើសពីនេះទៀតគឺ 「ひ(引)ん・と(取)っ」 ដែលពង្រឹងសន្ទុះនៃពាក្យ ដែលមាននៅក្នុង 「ふ(踏)んだくる」 ជាដើម។

စကားလုံးတိုနဲ့ ထိပ်စီးစကားလုံးတွေကိုရွေးထားပါတယ်။ 「お・ご(御)」 က လေးစားမှု၊ 「ま(真)」 က မှန်ကန်မှု၊ 「ど」 က အားကောင်းမှု၊ 「す(素)」 က နဂိုအတိုင်းတဲ့ အဓိပ္ပာယ်တွေကို ဖြည့်စွက်ပေးပါတယ်။ ဒါတွေနဲ့မတူတာက 「さ」 နဲ့ 「か」 ဖြစ်ပြီး 「か弱い・けだるい・ひ弱」 ဆိုတာမျိုး စကားလုံးတွေကိုပိုပြီး ဟန်ပိစေပါတယ်။ စကားလုံးရဲ့ အင်အားကိုပိုပြင်းစေတာကတော့ 「ひ(引)ん・と(取)っ」 ဖြစ်ပြီး 「ふ(踏)んだくる」 စတာမျိုးလည်းရှိပါတယ်။

Богино үг, угтвар үгийн талаар авч үзье. “お/о, ご/go(御)” нь тухайн үгийг эелдэг хэллэг болгох, “ま/ma(真)” нь “жинхэнэ”, “үнэн”, “зөв” гэсэн утгыг илэрхийлэх, “ど/do” нь тухайн үгэнд эрч нэмэх, “す/su(素)” нь байгаагаараа байгаа байдлыг илэрхийлэх зэргээр тухайн үгэнд утга нэмэх үүргийг гүйцэтгэдэг. Эдгээрээс бага зэрэг ялгаатай нь, “さ/sa”, “か/ka” г.м бөгөөд эдгээр нь “ка弱い/ka-yowai (хэврэг, эмзэг), けだるい/ke-darui (тамир барагдсан), ひ弱/hi-yowa (сул дорой)” гэх мэтээр тухайн үгийн эрчийг тохируулна. Мөн, тухайн үгэнд эрч нэмдэг “ひ/hi(引)ん/n, と/to(取)っ/жигжиг цү (араас нь залгасан гийгүүлэгчийг хоёр дуудна.)”, “ふ/fu(踏)んだくる/ndakuru (булаах, дээрэмдэх)” зэрэг үгүүд байдаг.

Here we focus on small words that are prefixes. お / ご(御) adds a sense of politeness or respect, ま(真) emphasizes the truth or correctness, ど strengthens the extent or degree, and す(素) indicates the natural state, of the words they each prefix. さ and か slightly differ from the above. They soften the tone of the words they prefix, as in か弱い, けだるい, and ひ弱. There are also prefixes such as ひ(引)ん and と(取)っ, which give words a greater sense of action, as in ふ(踏)んだくる.

技能実習生・研修生向母国語情報誌 発行 公益財団法人 国際人材協力機構 (JITCO)
 技能実習生の友 総務部広報室
 2022年4月 春季号 〒108-0023
 2022年4月1日発行 東京都港区芝浦2-11-5
 五十嵐ビルディング
 電話 03-4306-1166 (ダイヤルイン)
 JITCO ホームページ <https://www.jitco.or.jp/>